

**TÒA ÁN NHÂN DÂN
HUYỆN DUY XUYỀN
TỈNH QUẢNG NAM**

Bản án số: 117/2019/HNGĐ-ST

Ngày 24/7/2019

“V/v ly hôn”

CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập - Tự Do - Hạnh phúc

NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HOÀ XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
TÒA ÁN NHÂN DÂN HUYỆN DUY XUYỀN- TỈNH QUẢNG NAM

Với thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:

Thẩm phán – Chủ tọa phiên tòa: Ông Nguyễn Minh Quốc

Các hội thẩm nhân dân:

Hội thẩm nhân dân: Bà Phạm Thị Cang và bà Hứa Thị Hoàng

Thư ký ghi biên bản phiên tòa: Bà Nguyễn Thị Hồng Vân - Thư ký tòa án

Đại diện Viện Kiểm sát viên tham gia phiên tòa: Bà Lương Thị Sinh- Kiểm sát viên

Ngày 24 tháng 7 năm 2019 tại trụ sở Tòa án nhân dân huyện Duy Xuyên xét xử sơ thẩm công khai vụ án dân sự thụ lý số 26/2019/TLST-HNGĐ ngày 06/3/2019 về: “ly hôn” theo quyết định đưa vụ án ra xét xử số 08/2019/QĐXX-TA ngày 02 tháng 7 năm 2019 giữa các đương sự:

Nguyên đơn: Ông Lê Văn T, sinh năm 1954.

Bị đơn: Bà Phan Thị N, sinh năm 1955.

Đều trú tại: Thôn Sơn Viên, xã Duy Nghĩa, huyện Duy Xuyên, tỉnh Quảng Nam.

NỘI DUNG VỤ ÁN

Trong đơn khởi kiện ngày 24 tháng 12 năm 2019, trong quá trình giải quyết vụ án và tại phiên tòa, nguyên đơn ông Lê Văn T trình bày:

Về hôn nhân: Ông Lê Văn T và bà Phan Thị N tự nguyện kết hôn vào năm 1976, không có đăng ký kết hôn. Trong thời gian chung sống, vợ chồng không hợp nhau về tính tình nên thường hay cãi vã với nhau. Mâu thuẫn đã kéo dài trong nhiều năm nay. Bản thân bà N làm vợ nhưng không quan tâm chăm sóc ông, còn vu oan cho ông là ngoại tình, tranh giành chia tài sản và vu oan cho ông T lấy trộm tiền vàn, dẫn đến con trai nghe lời bà N đối xử mất dạy với ông. Ông và bà N đã sống ly thân mấy năm nay ăn ở riêng phần ai nấy biết, tình cảm vợ chồng không còn, mâu thuẫn vợ chồng đã quá mức trầm trọng nên ông T xin được ly hôn.

Về con chung: có 4 con chung là Lê Minh S, sinh năm 1977, Lê Thị A, sinh năm 1980, Lê Thị B, sinh năm 1987, Lê Thị C, sinh năm 1992. Tất cả đều đã trưởng thành và tự lao động nuôi sống bản thân.

Về tài sản chung: Vợ chồng tự thỏa thuận với nhau, không yêu cầu Tòa án giải quyết.

Về nợ chung: không có.

Ý kiến của bị đơn bà Phan Thị N trong văn bản trả lời ý kiến và tại các phiên hòa giải cũng như tại phiên tòa như sau:

Về hôn nhân: Bà Phan Thị N thống nhất với ý kiến của ông Lê Văn T về thời gian kết hôn là năm 1976, không có đăng ký kết hôn tại xã. Ông T chơi số đề, cờ bạc trong khi con cái nhỏ dại. Bà trách móc thì ông T nộp đơn ra xã yêu cầu ly hôn. Sau thời gian thì ông T đi làm kinh tế mới nhưng bị thua lỗ, về quê, còn bà thì một mình làm lụng nuôi các con. Mâu thuẫn vợ chồng xuất phát từ năm 2015, ông T ngoại tình với người khác về nhà đánh đập vợ con. Hiện nay, bà bị đau ốm và mất sức lao động cần tiền để chữa trị thì ông T lại bỏ bê, không quan tâm chăm sóc, vàng bạc của vợ chồng thì ông T nắm giữ. Tình cảm vợ chồng không còn nhưng vì không muốn ảnh hưởng đến cuộc sống và tâm lý của con cái nên bà xin được đoàn tụ.

Về con chung: thống nhất với ý kiến của ông T.

Về tài sản chung: Bà không yêu cầu giải quyết

Về nợ chung: không có.

Đại diện Viện kiểm sát nhân dân huyện Duy Xuyên, tỉnh Quảng Nam tham gia phiên tòa phát biểu ý kiến: Trong quá trình giải quyết vụ án kể từ khi thụ lý đến nay, Thẩm phán, Thư ký và Hội đồng xét xử đã đảm bảo thực hiện đúng chức năng, nhiệm vụ được pháp luật quy định. Nguyên đơn đã chấp hành đúng các quy định của pháp luật tố tụng dân sự, bị đơn vắng mặt một lần. Về nội dung vụ án, đề nghị Hội đồng xét xử cho ông Lê Văn T được ly hôn với bà Phan Thị N.

Những tài liệu, chứng cứ có trong hồ sơ vụ án:

02 đơn xin xác nhận

01 Giấy chứng minh nhân dân

01 sổ hộ khẩu gia đình

Các tình tiết, sự kiện không phải chứng minh và các tình tiết sự kiện các bên thống nhất:

Về hôn nhân: Thời gian, điều kiện kết hôn.

Về con chung: có 4 con chung là Lê Minh S, sinh năm 1977, Lê Thị A, sinh năm 1980, Lê Thị B, sinh năm 1987, Lê Thị C, sinh năm 1992.

Về tài sản chung: các bên không yêu cầu Tòa án giải quyết.

Về nợ chung: không có

Các tình tiết sự kiện phải chứng minh, làm rõ:

- Mâu thuẫn vợ chồng.

Các tình tiết sự kiện các bên không thống nhất và ý kiến của các bên:

- Về hôn nhân:

Ý kiến của ông T: cương quyết xin được ly hôn vì tình cảm vợ chồng không còn.

Ý kiến của bà N: không thống nhất ly hôn, có nguyện vọng xin được đoàn tụ.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

Sau khi nghiên cứu các tài liệu, chứng cứ có trong hồ sơ vụ án đã được xem xét tại phiên tòa và căn cứ kết quả tranh tụng, Tòa án nhân dân huyện Duy Xuyên nhận định:

[1] *Về thủ tục tố tụng*: Nguyên đơn, bị đơn đều có mặt tại phiên tòa; Hội đồng xét xử tiến hành xét xử vụ án theo qui định tại 227 Bộ luật tố tụng dân sự năm 2015.

[2] *Về quan hệ hôn nhân*:

Ông Lê Văn T và bà Phan Thị N tự nguyện kết hôn vào năm 1976, không có đăng ký kết hôn. Tại mục 3 nghị quyết 35/2000/QH10 hướng dẫn đây là hôn nhân thực tế. Qua xác minh ở địa phương thì ông T và bà N có mâu thuẫn, cãi vã với nhau từ những năm gần đây, xuất phát từ việc kiểm kê đất giải tỏa đền bù, giải phóng mặt bằng theo chủ trương của nhà nước. Mâu thuẫn căn thẳng là xuất phát từ việc ông Lê Văn T ngăn cản con trai là Lê Văn S (con ruột) xây dựng nhà cửa, dẫn đến đôi bên xảy ra xô xát. Còn bà N cho rằng ông T ngoại tình nhưng không có chứng cứ chứng minh. Từ khi hòa giải cho đến nay, ông T vẫn cương quyết ly hôn. Bà N thừa nhận đã không còn tình cảm với ông T, nhưng không muốn ly hôn, vợ chồng không còn sống chung với nhau từ mấy năm nay. Bà N không cung cấp được chứng cứ thể hiện việc bà đang chữa trị bệnh thoát vị đĩa đệm và mất sức lao động. Xét thấy, có căn cứ vi phạm nghiêm trọng quyền, nghĩa vụ của vợ chồng và có hành vi bạo lực gia đình làm cho hôn nhân lâm vào tình trạng trầm trọng, đời sống chung không thể kéo dài, mục đích hôn nhân không đạt được, nên cần chấp nhận đơn xin ly hôn của ông T là đúng pháp luật.

[3] *Về con chung*: có 4 con chung là Lê Minh S, sinh năm 1977, Lê Thị A, sinh năm 1980, Lê Thị B, sinh năm 1987, Lê Thị C, sinh năm 1992. Tất cả đều đã trưởng thành, tự lao động nuôi sống bản thân nên Tòa án không xem xét.

[4] *Về tài sản chung*: Vợ chồng tự thỏa thuận, không yêu cầu giải quyết.

[5] *Về nợ chung*: Không có, nên không yêu cầu giải quyết.

[6] *Về án phí*: căn cứ theo điểm Điểm đ Điều 12 Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH ngày 30/12/2016, ông Lê Văn T là người cao tuổi nên được miễn án phí

Vì các lẽ trên;

QUYẾT ĐỊNH

Căn cứ khoản 1, Điều 56 Luật hôn nhân và gia đình năm 2014; mục 3 của Nghị quyết 35/2000/NQ-QH10; điểm đ Điều 12 Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH ngày 30/12/2016 quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án; Xử:

- Về quan hệ hôn nhân: Cho ông Lê Văn T được ly hôn với bà Phan Thị N.
- Về án phí: Ông Lê Văn T được miễn nộp tiền án phí.

Trường hợp Quyết định, bản án được thi hành theo quy định tại Điều 2 Luật thi hành án dân sự thì người được thi hành án dân sự, người phải thi hành án dân sự có quyền thỏa thuận thi hành án, tự nguyện thi hành án hoặc bị cưỡng chế thi hành án theo quy định tại các Điều 6, 7 và 9 Luật thi hành án dân sự. Thời hiệu thi hành án dân sự được thực hiện theo quy định tại Điều 30 Luật thi hành án dân sự.

Các bên đương sự có mặt tại phiên tòa có quyền kháng cáo bản án trong thời hạn 15 ngày kể từ ngày tuyên án sơ thẩm (24/7/2019).

Nơi nhận:

- TAND tỉnh Quảng Nam;
- VKSND Duy Xuyên;
- THADS Duy Xuyên;
- Các đương sự;
- Ủy ban xã Duy Nghĩa
(Tư pháp xã);
- Lưu HS,AV

**TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SỞ THẨM
THẨM PHÁN- CHỦ TỌA PHIÊN TÒA**

Nguyễn Minh Quốc